

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-PT
Ngày 23-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;
hợp đồng thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/KDTM-PT ngày 21 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp”.

Do Bản án kinh doanh sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 10/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 121/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 613/TB-TA ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; Trụ sở: Số 8, đường K, phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ ***Đại diện theo pháp luật:*** Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

+ ***Đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Tấn T, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh An Giang; địa chỉ trụ

sở: Số 26, đường T, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền số: 110/UQ-AGI-HCNS ngày 15/10/2021) (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 248/4, ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Châu Chí C, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số 33, Khu vực 13, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1994 (vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1997 (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Lệ Nh, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 248/4, ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (vắng mặt);

5. Anh Lê Văn P, sinh năm 1984 (vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (vắng mặt);

7. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 (vắng mặt);

8. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 (vắng mặt);

9. Anh Nguyễn Linh V, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 248A/4, ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

10. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966 (vắng mặt);

11. Chị Tô Thị L, sinh năm 1992 (vắng mặt);

12. Anh Tô Hoàng B, sinh năm 1998 (vắng mặt);

13. Chị Tô Thị Thanh Ng, sinh năm 2000 (vắng mặt);

14. Chị Tô Linh T, sinh năm 2002 (vắng mặt);

15. Chị Tô Thị Tố L1, sinh năm 2004 (vắng mặt);

16. Chị Tô Thị Cẩm L2, sinh năm 2006 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Tô Thị Tố L1, Tô Thị Cẩm L2: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 248B/4, ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

17. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1962 (vắng mặt);

18. Anh Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1989 (vắng mặt);

19. Anh Nguyễn Trung M1, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 248C/4, ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng N - Chi nhánh An Giang và Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn G do ông Nguyễn Văn G (sau đây gọi tắt là ông G) là chủ hộ ký kết Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng, mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán lúa, gạo.

Ngày 24/01/2019, ông G nhận tiền vay theo Giấy nhận nợ như sau: Vay: 2.000.000.000 đồng; ngày đến hạn trả vốn 24/7/2019; lãi suất vay: Trong hạn 6%/năm, quá hạn nợ gốc 150%/năm lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm trên dư lãi chậm trả. Đến hạn, ông G thanh toán vốn gốc đủ 2.000.000.000 đồng.

Sau đó, ông G nhận vay lại 2.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 31/7/2019 như sau: Vay: 2.000.000.000 đồng; ngày đến hạn trả vốn 31/10/2019; lãi suất vay: Trong hạn 6%/năm, quá hạn nợ gốc 150%/năm lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm trên dư lãi chậm trả.

Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 là: Quyền sử dụng đất theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất):

1. Số: CH00088 ngày 31/12/2010 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp (sau đây viết tắt là UBND huyện V) cấp cho hộ ông G diện tích 3.813,3m² đất ở tại nông thôn;
2. Số: CH00089 ngày 31/12/2010 do UBND huyện V cấp cho Hộ ông G diện tích 5.253,2m² đất trồng lúa;
3. Số: H03670 ngày 31/12/2004 do UBND huyện V cấp cho Hộ ông G diện tích 20.536m² đất trồng lúa.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông G vi phạm nghĩa vụ của kỳ trả lãi ngày 26/9/2019 và vi phạm nghĩa vụ trả vốn đến hạn ngày 31/10/2019.

Ngân hàng N nhiều lần nhắc ông G và gửi thông báo cho ông G biết nợ quá hạn nhưng ông G không thực hiện việc trả nợ.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông G có nghĩa vụ trả vốn 1.999.865.335 đồng; trả lãi trong hạn và lãi quá hạn từ ngày vi phạm đến khi trả dứt nợ vốn; yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 74 ngày 19/01/2018 để đảm bảo cho việc thi hành án. Nợ lãi tạm tính từ ngày 26/9/2019 đến ngày 21/02/2021 là 304.939.437 đồng (gồm: Lãi trong hạn 206.808.940 đồng; lãi quá hạn 98.130.497 đồng).

Bị đơn ông G: Không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị D1 (sau đây gọi tắt là: Bà B, bà D, bà M, bà D1) trình bày: Ông G thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất có nguồn gốc là tài sản của cha mẹ để lại nhưng chưa phân chia cho anh chị em. Ông G nợ Ngân hàng thì ông G có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để giải chấp quyền sử dụng đất của gia đình; xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 19/02/2021 (gửi cho Tòa án qua đường bưu điện ngày 19/02/2021), bà B trình bày: Bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 74 ngày 19/01/2018 giữa ông G và Ngân hàng vô hiệu.

- Anh Lê Văn P, anh Nguyễn Thế Ph, anh Nguyễn Trung M1, chị Tô Thị L, chị Tô Hoàng B, chị Tô Thị Thanh Ng, chị Tô Linh T, ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Linh V, anh Nguyễn Hoàng C, anh Nguyễn Hoàng N, chị Nguyễn Lệ Nh (sau đây gọi tắt là anh P, anh Ph, anh M1, chị L, chị B, chị Ng, chị T, ông K, anh L, anh V, anh C, anh N, chị Nh): Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông G có trách nhiệm trả nợ vốn lãi cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N - Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tạm tính đến 21/02/2021 là 2.304.805.000 đồng (gồm: Vốn 1.999.865.335 đồng; lãi trong hạn 206.808.940 đồng; lãi quá hạn 98.130.497 đồng).

- Buộc ông G có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N - Chi nhánh An Giang đại diện nhận) từ ngày 22/02/2021 trên số dư nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 93 ngày 21/01/2019 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 31/7/2019.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 74 ngày 19/01/2018 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh An Giang với ông G để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/3/2021, bà B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản số: 74 ngày 19/01/2018 giữa hộ ông G với Ngân hàng N – Chi nhánh An Giang.

Tại phiên tòa:

- Bà B: Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Châu Chí C là người đại diện của ông G trình bày: Ông G đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà B.
- Người đại diện của Ngân hàng N trình bày: Ngân hàng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng ý bản án sơ thẩm; không đồng ý kháng cáo của bà B.
- Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác: Vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hình thức đơn kháng cáo: Bà B kháng cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà B (là người kháng cáo) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông G vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hợp đồng tín dụng:

[3.1] Ông G (là Chủ hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn G) xác lập hợp đồng vay 2.000.000.000 đồng của Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019 trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện như cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp với Điều 116, Điều 117, Điều 118, khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Ông G đã nhận tiền vay nhưng ông G không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận ký kết với Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019 và Giấy nhận nợ ngày 31/7/2019 nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông G trả vốn và lãi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông G nhưng ông G vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và ông G không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, xem như ông G đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng N cung cấp, hiện ông G còn nợ vốn gốc là 1.999.865.335 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 21/02/2021 là 304.939.437 đồng là có cơ sở và phù hợp với thỏa thuận đã giao kết theo Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019 và Giấy nhận nợ ngày 31/7/2019. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông G phải thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng N là đúng.

[4] Hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 giữa ông G và Ngân hàng N được xác lập để đảm bảo nghĩa vụ cho Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019 và Giấy nhận nợ ngày 31/7/2019 giữa Ngân hàng N và ông G là phù hợp với khoản 2 Điều 292, Điều 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 giữa ông G và Ngân hàng N có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo là phù hợp với Điều 298 và Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp, ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 giữa ông G và Ngân hàng N là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thông báo thụ lý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà B không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Bà B đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; không nộp đơn yêu cầu độc lập trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đơn yêu cầu độc lập của bà B nộp cho Tòa án sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tức là bà B nộp đơn yêu cầu độc lập sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*. Do đó, cấp sơ thẩm không thụ lý và không giải quyết đơn yêu cầu độc lập của bà B là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, tại trang bổ sung GCN QSD đất do ông G đứng tên có thể hiện: Từ năm 2007 đến năm 2018, ông G đã nhiều lần dùng quyền sử dụng đất thế chấp cho nhiều tổ chức tín dụng khác nhau. Như vậy, ông G đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất thời gian dài nhưng không bị khiếu nại, không bị tranh chấp.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[6] Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông G không thực hiện quyền yêu cầu phản tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; sau khi xét xử sơ thẩm, ông G cũng không kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tức là

ông G đồng ý với bản án sơ thẩm. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông G yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 giữa Ngân hàng N với ông G vô hiệu là không có cơ sở xem xét.

[7] Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên duy trì hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 để đảm bảo thi hành án là không đúng với án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017 về xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án đối với hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018.

[8] Ông G vay tiền để kinh doanh mua bán lúa, gạo theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh Nguyễn Văn G. Do đó, phải xác định bị đơn: Ông Nguyễn Văn G – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn G. Tuy nhiên, phần này do cách viết, không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nên cấp phúc thẩm nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà B có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà B được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang về cách tuyên án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

- Buộc ông Nguyễn Văn G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2021 là 2.304.805.000 đồng (trong đó: Vốn gốc là 1.999.865.335 đồng; lãi trong hạn là 206.808.940 đồng; lãi quá hạn là 98.130.497 đồng) (do Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh An Giang đại diện nhận).

- Kể từ sau ngày 21/02/2021, ông Nguyễn Văn G phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh An Giang

với ông Nguyễn Văn G và Giấy nhận nợ số 02 do ông Nguyễn Văn G ký ngày 31/7/2019 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn G không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 93 ngày 21/01/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh An Giang với ông Nguyễn Văn G và Giấy nhận nợ số 02 do ông Nguyễn Văn G ký ngày 31/7/2019 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số: 74 ngày 19/01/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N- Chi nhánh An Giang với ông Nguyễn Văn G để thu hồi nợ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi phí tố tụng là 2.250.000 đồng (do Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh An Giang đại diện nhận).

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại tạm ứng án phí là 36.909.151 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn một trăm năm mươi một đồng) theo biên lai thu số 0002974 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (do Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh An Giang đại diện nhận).

+ Ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 78.096.100 đồng (Bảy mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa Kinh tế;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi

